

Số: 991/QĐ-BVĐHYD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu
Cung cấp bổ sung hóa chất xét nghiệm và vật tư năm 2023 (lần 1)**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 3639/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 516/QĐ-BVĐHYD ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp bổ sung hóa chất xét nghiệm và vật tư năm 2023 (lần 1);

Theo đề nghị của Tổ Chuyên gia tại Tờ trình số 02/TTr-TCG ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp bổ sung hóa chất xét nghiệm và vật tư năm 2023 (lần 1) và Báo cáo thẩm định số 02/BCTĐ-TTĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tổ Thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp bổ sung hóa chất xét nghiệm và vật tư năm 2023 (lần 1).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp bổ sung hóa chất xét nghiệm và vật tư năm 2023 (lần 1) với các nội dung sau:

- Danh sách nhà thầu trúng thầu:

STT	Tên nhà thầu	Số sản phẩm trúng thầu	Giá trúng thầu (VND)
1	Công ty Cổ phần Dược Thiết bị Y tế Đà Nẵng	3	2.056.906.308
2	Công ty TNHH Lavicom	1	47.040.000
3	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Mai Việt Anh	2	110.915.200

STT	Tên nhà thầu	Số sản phẩm trúng thầu	Giá trúng thầu (VND)
4	Công ty Cổ phần Medcomtech	1	295.000.000
5	Công ty TNHH Thiết bị Thí nghiệm Mekong	6	355.027.000
6	Công ty TNHH Thiết Bị Minh Tâm	6	2.581.469.100
7	Công ty Cổ Phần Thiết bị Y tế Nam Trung	3	131.069.570
8	Công ty Cổ phần phát triển Nhịp Cầu Vàng	1	1.814.400.000
9	Công ty TNHH Thương mại Y tế Phú Gia	7	567.362.736
10	Công ty TNHH Dược Phẩm Quang Dương	5	112.592.880
11	Công ty Cổ Phần Thiết Bị SISC Việt Nam	2	1.135.125.000
12	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Sài Gòn	2	51.200.000
13	Công ty TNHH Trang thiết bị Y tế Thời Thanh Bình	1	16.848.000
14	Công ty TNHH Trang Thiết Bị Y Tế Trần Danh	3	152.098.560
15	Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	1	245.600.000
16	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	3	308.150.000
17	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công Nghệ LIFELABS	1	62.499.360
Tổng cộng		48	10.043.303.714

- Giá trúng thầu: 10.043.303.714 VND (Bằng chữ: Mười tỷ, bốn mươi ba triệu, ba trăm lẻ ba ngàn, bảy trăm mười bốn đồng);

Giá trên đã bao gồm thuế, phí và các chi phí có liên quan;

- Danh mục chi tiết đính kèm:
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2. Khoa Dược chịu trách nhiệm hoàn thiện hợp đồng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông/Bà Trưởng phòng Hành chính, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng Đơn vị Quản lý đấu thầu, Trưởng Khoa Dược và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TCG (B03-059-nhnga) (10).



Nguyễn Hoàng Bắc

2

PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

(Đính kèm theo Quyết định số 991/QĐ-BVĐHYD ngày 11 tháng 4 năm 2023)

Phần 1. Danh sách sản phẩm trúng thầu

STT	Stt HSYC	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	
1. Công ty Cổ phần Dược Thiết bị Y tế Đà Nẵng										Tổng cộng: 03 danh mục			Trị giá: 2.056.906.308 VND			
1	1	1	Hóa chất định lượng hoạt độ của protein S	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Dược Thiết bị Y tế Đà Nẵng	00746 STA - Staclot Protein S	00746	DIAGNOSTICA	Pháp	DIAGNOSTIC A STAGO S.A.S/ Pháp	220003016/PC BB-HCM	Hộp/2 x 3 x 1-ml	mL	30	2.433.208	72.996.240
2	2	2	Hóa chất định lượng AT III so màu	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Dược Thiết bị Y tế Đà Nẵng	00596 STA - Stachrom AT III 3	00596	DIAGNOSTICA	Pháp	DIAGNOSTIC A STAGO S.A.S/ Pháp	220003014/PC BB-HCM	Hộp/4 x 3 ml	mL	36	1.442.000	51.912.000
3	3	3	Hóa chất xét nghiệm D-Dimer 2 kháng thể đơn dòng	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Dược Thiết bị Y tế Đà Nẵng	00662 STA - Liatest D-Di Plus	00662	DIAGNOSTICA	Pháp	DIAGNOSTIC A STAGO S.A.S/ Pháp	230000191/PC BB-BYT	Hộp/6 lọ x 5 ml Thuốc thử 1 + 6 lọ x 6 ml thuốc thử 2	mL	2.772	696.969	1.931.998.068
2. Công ty TNHH Lavicom										Tổng cộng: 01 danh mục			Trị giá: 47.040.000 VND			
4	1	4	Thạch cây mẫu CRE	Nhóm 5	Công ty TNHH Lavicom	MELAB Chromogenic CARBA	P901532	Công ty Cổ phần Công nghệ Lavitec	Việt Nam	Công ty Cổ phần Công nghệ Lavitec/ Việt Nam	170000001/PC BA-VP	Hộp 10 đĩa	Đĩa	640	73.500	47.040.000
3. Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Mai Việt Anh										Tổng cộng: 02 danh mục			Trị giá: 110.915.200 VND			
5	1	5	Lam kính dầu nhám 25.4x76.2mm	Không phân nhóm	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Mai Việt Anh	Lam kính 7105		Zhejiang Medicines & Health Products I/E Co., Ltd	Trung Quốc	Zhejiang Medicines & Health Products I/E Co., Ltd - Trung Quốc	344/18000002 8/PCBPL-BYT	Hộp/ 72 miếng	Miếng	85.560	295	25.240.200
6	2	6	Ống nghiệm lấy máu chân không Clot Activator 4ml	Nhóm 6	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Mai Việt Anh	Ống nghiệm serum chân không 4ml		An Phú	Việt Nam	An Phú - Việt Nam	190001447/PC BA-HN	Khay/ 100 cái	Cái	57.500	1.490	85.675.000
4. Công ty Cổ phần Medcomtech										Tổng cộng: 01 danh mục			Trị giá: 295.000.000 VND			
7	1	7	Ống nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông Sodium Citrate 1,8ml	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Medcomtech	Ống nghiệm lấy máu chân không chứa chất chống đông Sodium Citrate 3,2%, 1,8ml	14074	Vacutest Kima S.r.l	Ý	Vacutest Kima S.r.l/Ý	200000163/PC BA-BN	1000 Ống/ Thùng	Ống	100.000	2.950	295.000.000
5. Công ty TNHH Thiết bị Thí nghiệm Mekong										Tổng cộng: 06 danh mục			Trị giá: 355.027.000 VND			

STT	Stt HSYC	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	
8	1	8	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm tiết khuẩn 40-50ml	Nhóm 6	Công ty TNHH Thiết bị Thí nghiệm Mekong	MDL Specimen Container 40mL	V.022.001	MDL	Việt Nam	MDL/ Việt Nam	200001219/PC BA-HCM	1 cái/ gói	Cái	37.500	1.554	58.275.000
9	2	9	Đĩa Petri	Nhóm 6	Công ty TNHH Thiết bị Thí nghiệm Mekong	MDL Petri Dish 9015	V.003.020	MDL	Việt Nam	MDL/ Việt Nam	200000314/PC BA-HCM	500 cái/ thùng	Cái	100.000	1.740	174.000.000
10	3	10	Ông đựng mẫu nước tiểu 100x16mm có nắp	Nhóm 5	Công ty TNHH Thiết bị Thí nghiệm Mekong	MDL Test tube PP/PS 16*100, CAP	V.019.001	MDL	Việt Nam	MDL/ Việt Nam	200001219/PC BA-HCM	250 cái/ gói	Cái	37.000	1.008	37.296.000
11	4	11	Ông nghiệm 5ml có nắp	Nhóm 5	Công ty TNHH Thiết bị Thí nghiệm Mekong	MDL Test tube PP/PS 12*75, CAP 5ml	V.017.001	MDL	Việt Nam	MDL/ Việt Nam	200001219/PC BA-HCM	500 cái/ gói	Ông	32.000	418	13.376.000
12	5	12	Rabbit Plasma	Nhóm 5	Công ty TNHH Thiết bị Thí nghiệm Mekong	MDL Rabbit Plasma	H.002.020	MDL	Việt Nam	MDL/ Việt Nam	200000313/PC BA-HCM	1ml/ tube	Tube	1.000	42.000	42.000.000
13	6	13	Ông nghiệm glucose 2ml	Nhóm 5	Công ty TNHH Thiết bị Thí nghiệm Mekong	MDL Glucose tubes	V.016.001	MDL	Việt Nam	MDL/ Việt Nam	200001219/PC BA-HCM	100 ống/ khay, 2400 Ông/ thùng	Ông	47.000	640	30.080.000
6. Công ty TNHH Thiết Bị Minh Tâm										Tổng cộng: 06 danh mục				Trị giá: 2.581.469.100 VND		
14	1	15	Hóa chất dùng để chuẩn bị mẫu (ly giải hồng cầu và bảo vệ bạch cầu) cho xét nghiệm huyết học	Nhóm 3	Công ty TNHH Thiết Bị Minh Tâm	COULTER DxH Diff Pack	628020	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Mỹ	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	220002779/PC BB-BYT	Hộp: 1900mL+850 mL (2,750L)	Lit	275	3.717.000	1.022.175.000
15	2	16	Hóa chất rửa hệ thống huyết học	Nhóm 1	Công ty TNHH Thiết Bị Minh Tâm	COULTER DxH Cleaner	628023	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Mỹ	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	170000290/PC BA-HN	Hộp: 10L	Lit	150	586.950	88.042.500
16	3	18	Hóa chất định lượng Prolactin	Nhóm 1	Công ty TNHH Thiết Bị Minh Tâm	ACCESS PROLACTIN	33530	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Mỹ	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	2100168ĐKL H/BYT-TB-CT	Hộp: 2x50test (100test)	Hộp	8	3.797.850	30.382.800
17	4	19	Cơ chất phát quang dùng cho hệ thống miễn dịch	Nhóm 1	Công ty TNHH Thiết Bị Minh Tâm	Access SUBSTRATE	81906	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Mỹ	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	220000937/PC BA-HN	Hộp: 4x130mL (520ml)	Hộp	55	10.428.600	573.573.000

STT	Stt HSYC	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	
18	5	20	Dung dịch rửa chứa muối đệm Tris dùng cho hệ thống miễn dịch	Nhóm 4	Công ty TNHH Thiết Bị Minh Tâm	UniCel DxI Access Immunoassay Systems Wash Buffer II	A16793	Beckman Coulter Laboratory Systems (Suzhou) Co., Ltd., Trung Quốc sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Trung Quốc	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	220001647/PC BA-HN	Hộp: 10L	Hộp	224	2.025.450	453.700.800
19	6	21	Hóa chất định lượng Triglyceride	Nhóm 1	Công ty TNHH Thiết Bị Minh Tâm	TRIGLYCERIDE	OSR61118	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	220002778/PC BB-BYT	Hộp: 4x50ml+4x12.5ml (250ml)	Hộp	65	6.363.000	413.595.000
7. Công ty Cổ Phần Thiết bị Y tế Nam Trung										Tổng cộng: 03 danh mục			Trị giá: 131.069.570 VND			
20	1	22	Dung dịch tiền xử lý trên máy miễn dịch	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần Thiết bị Y tế Nam Trung	Alinity Pre-Trigger Solution, Mã hàng: 6P12-70	6P12-70	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo)	Ireland	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo), Ireland	200001236/PC BA-HN	Hộp/4x975mL	mL	100.000	804	80.400.000
21	2	23	Dung dịch rửa kim máy miễn dịch	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Thiết bị Y tế Nam Trung	Alinity i-series Probe Conditioning Solution, Mã hàng: 1R58-40	1R58-40	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo)	Ireland	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo), Ireland	200001237/PC BA-HN	Hộp/2x31.8mL	mL	191	98.270	18.769.570
22	3	24	Dung dịch xử lý Trigger dùng cho máy miễn dịch	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần Thiết bị Y tế Nam Trung	Alinity Trigger Solution, Mã hàng: 6P11-70	6P11-70	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo)	Ireland	Abbott Ireland Diagnostics Division (Sligo), Ireland	200001235/PC BA-HN	Hộp/4x975mL	mL	100.000	319	31.900.000
8. Công ty Cổ phần phát triển Nhịp Cầu Vàng										Tổng cộng: 01 danh mục			Trị giá: 1.814.400.000 VND			
23	1	25	Hóa chất xét nghiệm Urinalysis cassette	Nhóm 1	Công ty Cổ phần phát triển Nhịp Cầu Vàng	Clinitek Novus Pro 12 Cassette	10634644	Siemens Healthcare Diagnostics.	Mỹ	Siemens Healthcare Diagnostics/ Mỹ	220002803/PC BB-HCM	Hộp/ 450 test	Hộp	450	4.032.000	1.814.400.000
9. Công ty TNHH Thương mại Y tế Phú Gia										Tổng cộng: 07 danh mục			Trị giá: 567.362.736 VND			
24	1	26	Toxocara IgG	Nhóm 3	Công ty TNHH Thương mại Y tế Phú Gia	Toxocara IgG	8206-35	Diagnostic Automation/Cortez Diagnostics, Inc.	Mỹ	Diagnostic Automation/Cortez Diagnostics, Inc. - Mỹ	220003257/PC BB-BYT	96 test/ hộp	Test	3.072	54.166	166.397.952

STT	Sit HSYC	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	
25	2	27	Trichinella IgG	Nhóm 3	Công ty TNHH Thương mại Y tế Phú Gia	Trichinella IgG	8207-35	Diagnostic Automation/Cortez Diagnostics, Inc.	Mỹ	Diagnostic Automation/Cortez Diagnostics, Inc. - Mỹ	220003257/PC BB-BYT	96 test/ hộp	Test	192	48.436	9.299.712
26	3	28	Echinococcus IgG	Nhóm 3	Công ty TNHH Thương mại Y tế Phú Gia	Echinococcus IgG	8202-35	Diagnostic Automation/Cortez Diagnostics, Inc.	Mỹ	Diagnostic Automation/Cortez Diagnostics, Inc. - Mỹ	220003257/PC BB-BYT	96 test/ hộp	Test	192	55.000	10.560.000
27	4	29	Đầu côn hút thể tích 1000uL dùng cho máy Elisa tự động	Nhóm 3	Công ty TNHH Thương mại Y tế Phú Gia	conductive tips, 1100µl, tray, DP (black-Knights)	49001-0000	Ritter GmbH	Đức	Ritter GmbH - Đức	220002225/PC BA-HCM	960 cái/ hộp	Cái	9.024	3.788	34.182.912
28	5	30	Đầu côn hút thể tích 300 uL dùng cho máy Elisa tự động	Nhóm 3	Công ty TNHH Thương mại Y tế Phú Gia	conductive tips, 300µl, tray, DP (black-Knights)	49000-0000	Ritter GmbH	Đức	Ritter GmbH - Đức	220002225/PC BA-HCM	960 cái/ hộp	Cái	52.224	3.240	169.205.760
29	6	31	E.histolytica IgG ELISA Kit	Nhóm 3	Công ty TNHH Thương mại Y tế Phú Gia	E. histolytica IgG (Amebiasis)	8201-35	Diagnostic Automation/Cortez Diagnostics, Inc.	Mỹ	Diagnostic Automation/Cortez Diagnostics, Inc. - Mỹ	220003257/PC BB-BYT	96 test/ hộp	Hộp	9	5.302.000	47.718.000
30	7	32	Strongyloides IgG ELISA Kit	Nhóm 3	Công ty TNHH Thương mại Y tế Phú Gia	Strongyloides IgG	8319-35	Diagnostic Automation/Cortez Diagnostics, Inc.	Mỹ	Diagnostic Automation/Cortez Diagnostics, Inc. - Mỹ	220003257/PC BB-BYT	96 test/ hộp	Hộp	25	5.199.936	129.998.400
10. Công ty TNHH Dược Phẩm Quang Dương										Tổng cộng: 05 danh mục				Trị giá: 112.592.880 VND		
31	1	33	Dung dịch kiểm chuẩn dùng cho máy khi máu mức thấp	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Phẩm Quang Dương	03321193001 COMBITROL+B, L1	03321193001	Bionostics Inc., USA	USA	Roche Diagnostics GmbH, Germany	IL_10929NK_BYT-TB-CT	30 ống	mL	459	56.000	25.704.000
32	2	34	Dung dịch kiểm chuẩn dùng cho máy khi máu mức trung bình	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Phẩm Quang Dương	03321207001 COMBITROL+B, L2	03321207001	Bionostics Inc., USA	USA	Roche Diagnostics GmbH, Germany	IL_10929NK_BYT-TB-CT	30 ống	mL	306	56.000	17.136.000
33	3	35	Dung dịch kiểm chuẩn dùng cho máy khi máu mức cao	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Phẩm Quang Dương	03321215001 COMBITROL+B, L3	03321215001	Bionostics Inc., USA	USA	Roche Diagnostics GmbH, Germany	IL_10929NK_BYT-TB-CT	30 ống	mL	306	56.000	17.136.000
34	4	36	Giấy in cho máy khi máu	Không phân nhóm	Công ty TNHH Dược Phẩm Quang Dương	03113361180 PRINTER PAPER	03113361180	Müllroll GmbH, Austria	Austria	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Không có vi non-IVD	6 Rolls	Cuộn	42	215.640	9.056.880

STT	Stt HSYC	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	
35	5	37	Điện cực để đo thông số glucose, lactate cho hệ thống máy khí máu	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược Phẩm Quang Dương	03260887184 Sensor GLU/LAC	03260887184	Roche Diagnostics International Ltd., Switzerland	Switzerland	Roche Diagnostics GmbH, Germany	12456NK/BY T-TB-CT	1 PC	Cái	12	3.630.000	43.560.000
11. Công ty Cổ Phần Thiết Bị SISC Việt Nam										Tổng cộng: 02 danh mục			Trị giá: 1.135.125.000 VND			
36	1	38	Thẻ kháng sinh đồ NMIC vi khuẩn gram âm	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần Thiết Bị SISC Việt Nam	BD Phoenix™ NMIC-500	449023	Becton, Dickinson and Company (BD)	Mỹ	Becton, Dickinson and Company (BD)/Mỹ	2100453ĐKL H/BYT-TB-CT	25 panel/Hộp	Hộp	250	3.265.000	816.250.000
37	2	39	Canh trường kháng sinh đồ	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần Thiết Bị SISC Việt Nam	BD Phoenix™ AST Broth	246003	Becton, Dickinson and Company (BD), BD Diagnostic Systems	Mỹ	Becton, Dickinson and Company (BD)/Mỹ	210000609/PC BA-HCM	8 mL/Ống x 100 Ống/Hộp	Hộp	125	2.551.000	318.875.000
12. Công ty Cổ Phần Thiết Bị Sài Gòn										Tổng cộng: 02 danh mục			Trị giá: 51.200.000 VND			
38	1	40	Thẻ định danh và kháng sinh đồ Liên Cầu Khuẩn	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Sài Gòn	BD Phoenix™ SMIC/ID-2	448851	Becton, Dickinson and Company (BD)	Mỹ	Becton, Dickinson and Company (BD)/ Mỹ	220003576/PC BB-BYT	25 Thẻ/ Hộp	Thẻ	200	226.000	45.200.000
39	2	41	Canh trường làm kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn Streptococcus	Nhóm 1	Công ty Cổ Phần Thiết Bị Sài Gòn	BD Phoenix™ AST-S Broth	246007	Becton, Dickinson and Company (BD), BD Diagnostic Systems	Mỹ	Becton, Dickinson and Company (BD)/ Mỹ	210000622/PC BA-HCM	8 mL/ ống x 100 ống/ hộp	Ống	200	30.000	6.000.000
13. Công ty TNHH Trang thiết bị Y tế Thời Thanh Bình										Tổng cộng: 01 danh mục			Trị giá: 16.848.000 VND			
40	1	42	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm 40-50ml	Không phân nhóm	Công ty TNHH Trang thiết bị Y tế Thời Thanh Bình	Lọ đựng sinh phẩm	MIDA	Minh Đạt	Việt Nam	Minh Đạt/ Việt Nam	Chúng nhận lưu hành số: 31/CFS2014 ngày 17/04/2014 và 18/CFS2013 ngày 21/03/2013	100 cái/ gói	Cái	13.000	1.296	16.848.000
14. Công ty TNHH Trang Thiết Bị Y Tế Trần Danh										Tổng cộng: 03 danh mục			Trị giá: 152.098.560 VND			
41	1	43	Nội kiểm khí máu mức 1	Nhóm 3	Công ty TNHH Trang Thiết Bị Y Tế Trần Danh	Blood Gas Control - Level 1 (BG Control 1) (Nội kiểm khí máu mức 1)	BG5001	Radox	Anh	Radox/Anh	16167NK/BY T-TB-CT	30 x 1.8 ml	Hộp	6	5.069.952	30.419.712

STT	Stt HSYC	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	
42	2	44	Nội kiểm khí máu mức 2	Nhóm 3	Công ty TNHH Trang Thiết Bị Y Tế Trần Danh	Blood Gas Control - Level 2 (BG Control 2) (Nội kiểm khí máu mức 2)	BG5002	Randox	Anh	Randox/Anh	16167NK/BY T-TB-CT	30 x 1.8 ml	Hộp	12	5.069.952	60.839.424
43	3	45	Nội kiểm khí máu mức 3	Nhóm 3	Công ty TNHH Trang Thiết Bị Y Tế Trần Danh	Blood Gas Control - Level 3 (BG Control 3) (Nội kiểm khí máu mức 3)	BG5003	Randox	Anh	Randox/Anh	16167NK/BY T-TB-CT	30 x 1.8 ml	Hộp	12	5.069.952	60.839.424
15. Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab										Tổng cộng: 01 danh mục			Trị giá: 245.600.000 VND			
44	1	46	Thạch máu pha sẵn (BA)	Nhóm 3	Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	BLOOD AGAR (Sheep Blood 7%)	10142	Liofilchem	Italy	Liofilchem - Italy	220001597/PC BA-HN	Hộp/20 đĩa	Đĩa	8.000	30.700	245.600.000
16. Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên										Tổng cộng: 03 danh mục			Trị giá: 308.150.000 VND			
45	1	47	Đầu côn dùng một lần của máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang	Nhóm 6	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	06451419 HISCL Disposable tip	06451419	Sysmex	Nhật	Sysmex/ Nhật	230000227/PC BA-HCM	5000 cái	Hộp	12	14.000.000	168.000.000
46	2	48	Dung dịch rửa đường ống của máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang	Nhóm 3	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	06443416 HISCL Line Washing Solution	06443416	Sysmex	Nhật	Sysmex/ Nhật	210000456/PC BA-HCM	10L x 1	Thùng	322	350.000	112.700.000
47	3	49	Dung dịch rửa kim hút của máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang	Nhóm 3	Công ty TNHH Kinh doanh Trang thiết bị Y Nha khoa Việt Tiên	05425414 HISCL Probe Washing Solution	05425414	Sysmex	Nhật	Sysmex/ Nhật	210000513/PC BA-HCM	250ml x 2	Hộp	45	610.000	27.450.000
17. Công ty Cổ phần Thiết bị và Công Nghệ LIFELABS										Tổng cộng: 01 danh mục			Trị giá: 62.499.360 VND			
48	1	51	Kháng thể PD-L1 dòng 22C3 dạng cô đặc	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công Nghệ LIFELABS	Monoclonal Mouse Anti-Human PD-L1, Clone 22C3	M3653	Dako North America, Inc.	Mỹ	Dako North America, Inc., - Mỹ	10934NK/BY T-TB-CT	Lọ 0,2 mL	Lọ	2	31.249.680	62.499.360
TỔNG CỘNG															10.043.303.714	

PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH SẢN PHẨM TRÚNG THẦU
(Đính kèm theo Quyết định số 991/QĐ-BVĐHYD ngày 11 tháng 4 năm 2023)

Phần 2. Yêu cầu kỹ thuật

STT	STT HSYC	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Nhóm TT14
1	1	Hóa chất định lượng hoạt độ của protein S	Hóa chất định lượng hoạt độ của protein S - Đặc tính, công dụng: Hóa chất định lượng hoạt độ của protein S bằng phương pháp đo từ nhằm tránh sự ảnh hưởng của huyết tương đục, tán huyết.... Sản phẩm cho phép phát hiện các thiếu hụt protein S dựa vào yếu tố Va. -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: + Huyết tương từ người, làm lạnh khô, không có protein S. + Protein C hoạt hoá từ người, làm lạnh khô. + Nguyên liệu có chứa yếu tố Va từ bò, làm lạnh khô. - Đóng gói: Hộp ≤ 20 ml - Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Nhóm 3
2	2	Hóa chất định lượng AT III so màu	Hóa chất xét nghiệm AT III - Đặc tính, công dụng: Định lượng mức hoạt động của antithrombin (AT) trong huyết tương bằng phương pháp sử dụng cơ chất tạo màu. -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: + Thrombin bò, dạng đông khô. + Cơ chất màu, dạng đông khô. + Dung dịch hòa tan có heparin. - Đóng gói: Hộp ≤ 20 ml - Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Nhóm 3
3	3	Hóa chất xét nghiệm D-Dimer 2 kháng thể đơn dòng	Hóa chất xét nghiệm D-Dimer có mã vạch trên hộp thuốc thử - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: + Dung dịch đệm Tris buffer + Dung dịch huyền phù vi hạt latex được phủ bởi hai kháng thể đơn dòng chuột khác nhau kháng D-dimer người. - Đóng gói: Hộp ≤ 200 ml - Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Nhóm 3
4	4	Thạch cấy mẫu CRE	Mục đích: môi trường dùng để phát hiện, sàng lọc và phân biệt Enterobacteriaceae sinh Carbapenemase Thành phần môi trường: peptone 20g, chromogenic mix 0.8g, salts 5g, growth factor 1.7g, growth factors mix 2ml, selective mix 0.25g, Agar 15.0g Dạng điều chế: Dạng đĩa thạch (đĩa peptri) Độ pH: 7.2 ± 0.2	Nhóm 5
5	5	Lam kính đầu nhám 25.4x76.2mm	Lam kính đầu nhám - Chất liệu: thủy tinh - Kích thước: 25.4 x 76.2 (+/- 2) mm	Không phân nhóm
6	6	Ống nghiệm lấy máu chân không Clot Activator 4ml	Ống chứa hoạt chất micronized silica dạng phun khô trên thành ống làm tăng sự đông máu. - Thể tích lấy mẫu: 4ml - Kích thước ống: đường kính ngoài 13 (+/- 2) mm; chiều dài ống 75 (+/- 5) mm; - Chất liệu ống: PET, trong suốt. - Nắp gồm 2 phần, phần bằng cao su butyl để duy trì chân không và kim có thể đâm xuyên qua khi lấy máu; phần nắp bằng nhựa PE - Ống đã được tiệt trùng - Đóng gói: Hộp kín được niêm phong tránh ánh sáng và tiếp xúc hóa chất - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE	Nhóm 6
7	7	Ống nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông Sodium Citrate 1,8ml	Dung dịch chất chống đông: Sodium Citrate 3,2%. - Lượng chất chống đông: 0,2ml Sodium Citrate 3,2% - Thể tích lấy mẫu chân không: 1,8ml - Kích thước ống: đường kính ngoài 13 (+/- 2) mm; chiều dài ống 75 (+/- 2) mm; - Thành ống dày để duy trì lượng chân không và tránh biến đổi, hao hụt chất chống đông. - Chất liệu ống: PET, chống sốc, trong suốt, tránh va chạm gây nứt trong quá trình vận chuyển, lấy máu, bảo quản, và xét nghiệm. - Nắp gồm 2 phần: phần bằng cao su butyl để duy trì chân không và để cầm kim trong quá trình lấy máu; phần nắp bằng nhựa PE - Nhân được làm bằng nhựa Plastic tránh biến đổi - Ống đã được tiệt trùng - Đóng gói hộp kín được niêm phong tránh ánh sáng và tiếp xúc hóa chất - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE	Nhóm 3
8	8	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm tiết khuẩn 40-50ml	Lọ lấy mẫu bệnh phẩm - Dung tích 40-50ml. - Chất liệu: nhựa trong suốt, không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. - Đặc điểm: có nhãn ghi thông tin mẫu bệnh phẩm, có nắp đậy kín. - Đóng gói tiết khuẩn.	Nhóm 6
9	9	Đĩa Petri	Đĩa Petri - Chất liệu: Nhựa trong suốt. - Hộp tròn có nắp, nắp và thân đĩa phẳng, trong suốt, đường kính 90 (+/- 5) mm. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Nhóm 6
10	10	Ống đựng mẫu nước tiểu 100x16mm có nắp	Ống đựng mẫu nước tiểu có nắp - Chất liệu bằng nhựa trong suốt - Kích cỡ: 100x16 (+/- 2) mm	Nhóm 5

STT	STT HSYC	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Nhóm TT14
11	11	Ống nghiệm 5ml có nắp	Ống nghiệm nhựa. - Kích thước ống: đường kính 13 (+/- 2) mm; chiều dài 75 (+/- 5) mm. - Dung tích 5 - 6ml - Chất liệu nhựa PS trong suốt, không lẫn tạp chất. Nắp màu trắng - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Nhóm 5
12	12	Rabbit Plasma	- Lọ dùng thực hiện thử nghiệm coagulase bằng huyết tương thỏ để định danh Staphylococcus - Thành phần: Huyết tương thỏ - Đóng gói: mỗi tube hoàn nguyên thể tích 1ml	Nhóm 5
13	13	Ống nghiệm glucose 2ml	Ống nghiệm chứa hoạt chất Lithium Heparin/ EDTA K3 và Sodium fluoride, tiết khuẩn bằng Gramma. Chịu lực quay ly tâm đến 5000 RPM/ 10 phút. Thân ống được làm từ nhựa PP chánh phẩm, không tạp chất. Nắp nhựa màu xám, có độ kín cao an toàn Thể tích lấy mẫu: 2ml Kích thước: 13 x 75 (+/- 2) mm;	Nhóm 5
14	15	Hóa chất dùng để chuẩn bị mẫu (ly giải hồng cầu và bảo vệ bạch cầu) cho xét nghiệm huyết học	Hóa chất để thực hiện phân tích năm thành phần bạch cầu trong một mẫu máu, sử dụng công nghệ VCSn. Thành phần gồm hai loại hóa chất: - Hóa chất Erythrolyse gồm: yếu tố làm vỡ 0.3-1.5g/L, Formic Acid 1.2 mL/L - Hóa chất StaliLyse gồm: Sodium Carbonate 6 g/L, Natri clorua 14,5 g/L, Natri sunfat 31,3 g/L Đóng gói: Hộp ≤ 5 lít Tiêu chuẩn: FDA/ISO 13485	Nhóm 3
15	16	Hóa chất rửa hệ thống huyết học	Hóa chất để sử dụng như một chất làm sạch cho các bộ phận của máy phân tích tế bào tự động khi tiếp xúc với máu. Thành phần: Dung dịch chứa enzym phân giải protein Đóng gói: Hộp tối thiểu 10 lít Tiêu chuẩn: ISO 13485	Nhóm 1
16	18	Hóa chất định lượng Prolactin	Hóa chất định lượng prolactin Dải phân tích: ≤ 0,25 đến ≥ 200 ng/mL -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: + Kháng thể (dê) kháng IgG chuột – kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng Prolactin, albumin huyết thanh bò (BSA) + Kháng thể (dê) kháng Prolactin – phosphatase kiềm (bò) - Đóng gói: Hộp tối thiểu 100 test - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE.	Nhóm 1
17	19	Cơ chất phát quang dùng cho hệ thống miễn dịch	Cơ chất phát quang Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Lumi-Phos 530 (dung dịch đệm chứa chất dioxetan Lumigen PPD, chất huỳnh quang Bảo quản: 2-8°C - Đóng gói: Hộp tối thiểu 520 ml	Nhóm 1
18	20	Dung dịch rửa chứa muối đệm Tris dùng cho hệ thống miễn dịch	Dung dịch rửa dùng cho dòng máy Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Muối đệm Tris, chất hoạt động bề mặt, natri azide Đóng gói: Hộp tối thiểu 10 Lít	Nhóm 4
19	21	Hóa chất định lượng Triglyceride	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride; dải đo: từ ≤ 0,1 đến ≥ 11,3 mmol/L; phương pháp: GPO-POD; bước sóng 660/800 nm. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Mg2+; MADB; 4-Aminoantipyrine; ATP; Lipases; Glycerol kinase ; Peroxidase; Ascorbate oxidase; Glycerol-3-phosphate oxidase - Bảo quản: 2-8°C. - LOD ≤ 0,011±0,001 mmol/L - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥12 test - Đóng gói: Hộp tối thiểu 250 ml	Nhóm 1
20	22	Dung dịch tiền xử lý trên máy miễn dịch	Chất tiền xử lý sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần tối thiểu gồm hydrogen peroxide 0.35±0.05 N - Đóng gói: Hộp ≤ 5 lít - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE.	Nhóm 3
21	23	Dung dịch rửa kim máy miễn dịch	Nước rửa kim, được sử dụng như một bước trong quy trình bảo dưỡng. Sau khi kim hút mẫu được vệ sinh, sử dụng dung dịch này để bảo vệ kim ngăn không cho các phần không đặc hiệu bám vào kim. - Thành phần: Tối thiểu gồm Huyết tương người đã vô khuẩn; được sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Đóng gói: Hộp ≤ 100 ml - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE.	Nhóm 1
22	24	Dung dịch xử lý Trigger dùng cho máy miễn dịch	Dung dịch rửa cho kỹ thuật miễn dịch vi hạt hoá phát quang linh hoạt 2 bước rửa; Tối thiểu chứa natri hydroxit; được sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Đóng gói: Hộp ≤ 5 lít Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE.	Nhóm 3
23	25	Hóa chất xét nghiệm Urinalysis cassette	Hoá chất phân tích nước tiểu. Đặc tính, công dụng: dùng để phân tích nước tiểu. Thành phần: đo được các thông số: Albumin, Bilirubin, Blood, Creatinine, Glucose, Ketone, Leukocytes, Nitrite, pH, Protein, Urobilinogen, tỷ trọng Bảo quản cassette kín trong phòng nhiệt độ 15-30°C và chắc chắn rằng độ ẩm không vượt quá 80% Đóng gói: Hộp tối thiểu 450 test	Nhóm 1
24	26	Toxocara IgG	Hóa chất tìm kháng thể Toxocara IgG (Giun đũa chó-mèo) bằng phương pháp Elisa, thành phần hóa chất gồm: enzyme liên hợp, cơ chất; dung dịch rửa, dung dịch pha loãng, dung dịch dừng phản ứng, chứng âm, chứng dương. Đóng gói: Hộp <100 test	Nhóm 3
25	27	Trichinella IgG	Hóa chất tìm kháng thể Trichinella IgG (Giun xoắn) bằng phương pháp Elisa, thành phần hóa chất gồm: enzyme liên hợp, cơ chất; dung dịch rửa, dung dịch pha loãng, dung dịch dừng phản ứng, chứng âm, chứng dương. Đóng gói: Hộp <100 test	Nhóm 3

STT	STT HSYC	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Nhóm TT14
26	28	Echinococcus IgG	Hóa chất tìm kháng thể Echinococcus IgG (Sán dây chó) bằng phương pháp Elisa, thành phần hóa chất gồm: enzyme liên hợp, cơ chất; dung dịch rửa, dung dịch pha loãng, dung dịch dừng phản ứng, chứng âm, chứng dương. Đóng gói: Hộp <100 test	Nhóm 3
27	29	Đầu côn hút thể tích 1000uL dùng cho máy Elisa tự động	Đầu côn tiết trùng dùng 1 lần, phủ tĩnh điện, hút chính xác thể tích chất lỏng, dùng cho máy Elisa tự động, thể tích tối đa 1100uL	Nhóm 3
28	30	Đầu côn hút thể tích 300 uL dùng cho máy Elisa tự động	Đầu côn hút hóa chất và mẫu dành cho các máy xét nghiệm ELISA tự động hoàn toàn - Chất liệu: nhựa - Thể tích: 300ul - Lớp trong đầu côn có phủ tĩnh điện giúp nhận biết mức chất lỏng. - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Nhóm 3
29	31	E.histolytica IgG ELISA Kit	Hóa chất tìm kháng thể IgG amip Entamoeba histolytica bằng phương pháp Elisa thành phần hóa chất gồm: enzyme liên hợp, cơ chất; dung dịch rửa, dung dịch pha loãng, dung dịch dừng phản ứng, chứng âm, chứng dương. Đóng gói: Hộp tối thiểu 96 test	Nhóm 3
30	32	Strongyloides IgG ELISA Kit	Hóa chất tìm kháng thể Strongyloides IgG (Giun lươn) bằng phương pháp Elisa, thành phần hóa chất gồm: enzyme liên hợp, cơ chất; dung dịch rửa, dung dịch pha loãng, dung dịch dừng phản ứng, chứng âm, chứng dương. Đóng gói: Hộp tối thiểu 96 test	Nhóm 3
31	33	Dung dịch kiểm chuẩn dùng cho máy khí máu mức thấp	Dung dịch kiểm chuẩn dùng cho máy khí máu mức thấp Dung dịch kiểm chứng mức nồng độ thấp cho các phép đo pH, PCO2, PO2, SO2, Na+, K+, Cl-, iCa2+, Hct, tHb và Hb cũng như glucose, lactate, urea/BUN và bilirubin. Bảo quản ở 2 - 8°C.	Nhóm 3
32	34	Dung dịch kiểm chuẩn dùng cho máy khí máu mức trung bình	Dung dịch kiểm chuẩn dùng cho máy khí máu mức trung bình Dung dịch kiểm chứng mức nồng độ trung bình cho các phép đo pH, PCO2, PO2, SO2, Na+, K+, Cl-, iCa2+, Hct, tHb và Hb cũng như glucose, lactate, urea/BUN và bilirubin. Bảo quản ở 2 - 8°C.	Nhóm 3
33	35	Dung dịch kiểm chuẩn dùng cho máy khí máu mức cao	Dung dịch kiểm chuẩn dùng cho máy khí máu mức cao Dung dịch kiểm chứng mức nồng độ cao cho các phép đo pH, PCO2, PO2, SO2, Na+, K+, Cl-, iCa2+, Hct, tHb và Hb cũng như glucose, lactate, urea/BUN và bilirubin. Bảo quản ở 2 - 8°C.	Nhóm 3
34	36	Giấy in cho máy khí máu	Giấy in nhiệt dùng cho hệ thống máy khí máu Bảo quản ở nhiệt độ thường.	Không phân nhóm
35	37	Điện cực để đo thông số glucose, lactate cho hệ thống máy khí máu	Điện cực để đo thông số glucose, lactate cho hệ thống máy khí máu Hộp cảm biến đo nồng độ glucose/ lactate có trong máu cho máy khí máu điện giải Khoảng đo: ≤ 0,2 đến ≥ 20 mmol/L Bảo quản ở 2 - 8°C.	Nhóm 3
36	38	Thẻ kháng sinh đồ NMIC vi khuẩn gram âm	Thẻ chứa tối thiểu các loại kháng sinh sử dụng cho nhóm trực khuẩn gram âm thông thường. Ngoài ra có thêm các loại kháng sinh để xác định tính kháng CPO (Carbapenemase-producing Organisms) và ESBL bằng cách sử dụng một số kháng sinh nhóm carbapenem hoặc tương đương để phát hiện và phân loại các vi sinh vật sinh men Carbapenemase, ESBL, kháng sinh tối thiểu hoặc tương đương gồm: (1) Amikacin, (2) Ampicillin, (3) Ampicillin-Sulbactam, (4) Aztreonam, (5) Cefazolin, (6) Cefepime, (7) Cefoxitin, (8) Cefazidime, (9) Cefazidime-Avibactam, (10) Ceftriaxone, (11) Cefuroxime, (12) Ciprofloxacin, (13) Colistin, (14) Ertapenem, (15) Fosfomycin, (16) Gentamicin, (17) Imipenem, (18) Levofloxacin, (19) Meropenem, (20) Minocycline, (21) Piperacillin-Tazobactam, (22) Tigecycline, (23) Trimethoprim-Sulfamethoxazole, (24) CPO, (25) ESBL, (26) Cefotaxime/Clavulanate, (27) Cefazidime/Clavulanate (28) Cefazidime... và một số kháng sinh khác (nếu có) Đóng gói: Hộp tối thiểu 25 thẻ	Nhóm 3
37	39	Canh trường kháng sinh đồ	Dung dịch để làm kháng sinh đồ vi khuẩn thành phần gồm: Mueller Hinton Broth, Polysorbate 80 Thể tích 5-10 ml Đóng gói: Hộp tối thiểu 800 ml	Nhóm 3
38	40	Thẻ định danh và kháng sinh đồ Liên Cầu Khuẩn	Thẻ định danh và làm kháng sinh đồ vi khuẩn Streptococcus Chứa các hóa chất dùng để định danh và kiểm tra tính đề kháng kháng sinh của nhóm liên cầu khuẩn (Streptococcus spp), sử dụng các loại thuốc kháng sinh dòng beta-lactam, macrolide lincosamide streptogramin, lipopeptide, quinolone, oxazolidinone, tetracycline, folate antagonist Đóng gói Hộp < 100 test	Nhóm 1
39	41	Canh trường làm kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn Streptococcus	Dung dịch để làm kháng sinh đồ nhóm liên cầu khuẩn (Streptococcus spp) Thành phần chứa: Pancreatic Digest of Casein, Peptones,Supplements; Thymidine Phosphorylase; Polysorbate 80, Thể tích ống 5-10ml Đóng gói: Hộp < 1000ml	Nhóm 1
40	42	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm 40-50ml	Lọ lấy mẫu bệnh phẩm không tiết khuẩn - Dung tích: 40-50ml. - Chất liệu: nhựa PS trong suốt, không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. - Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Không phân nhóm
41	43	Nội kiểm khí máu mức 1	Nội kiểm khí máu gồm 10 thông số khí máu và ion đồ, bao gồm Bicarbonate. Thành phần: từ người. Dạng Lỏng, Mức 1, Bảo quản: 2-8°C. Đóng gói: Hộp tối thiểu 54 ml	Nhóm 3
42	44	Nội kiểm khí máu mức 2	Nội kiểm khí máu gồm 10 thông số khí máu và ion đồ, bao gồm Bicarbonate. Thành phần: từ người. Dạng Lỏng, Mức 2, Bảo quản: 2-8°C. Đóng gói: Hộp tối thiểu 54 ml	Nhóm 3
43	45	Nội kiểm khí máu mức 3	Nội kiểm khí máu gồm 10 thông số khí máu và ion đồ, bao gồm Bicarbonate. Thành phần: từ người. Dạng Lỏng, Mức 3, Bảo quản: 2-8°C. Đóng gói: Hộp tối thiểu 54 ml	Nhóm 3

STT	STT HSYC	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Nhóm TT14
44	46	Thạch máu pha sẵn (BA)	Môi trường BA (Blood agar) đổ sẵn trên đĩa nhựa 90mm. Môi trường nuôi cấy phân biệt. Phân biệt được 3 kiểu hình tiêu huyết (α , β , g) của <i>Streptococcus</i> . - Thành phần bao gồm: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Sheep blood, Agar, Đóng gói: Hộp ≤ 20 đĩa Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Nhóm 3
45	47	Đầu côn dùng một lần của máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang	Đầu côn dùng một lần trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền có công suất ≥ 200 xét nghiệm/giờ Bảo quản: 2 - 30 độ C Hộp tối thiểu 5000 cái	Nhóm 6
46	48	Dung dịch rửa đường ống của máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang	Dung dịch rửa đường ống trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Thành phần: Tối thiểu gồm có Tris buffer Bảo quản: 2 - 30 độ C Thùng tối thiểu 10 Lit	Nhóm 3
47	49	Dung dịch rửa kim hút của máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang	Bảo quản: 2 - 35 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày Hộp tối thiểu 500 mL	Nhóm 3
48	51	Kháng thể PD-L1 dòng 22C3 dạng cô đặc	Kháng thể đơn dòng PD-L1 dòng 22C3 dạng cô đặc. Đóng gói: Lọ tối thiểu 0,2 mL Tiêu chuẩn FDA/ISO/CE	Nhóm 3

PHỤ LỤC 2. DANH MỤC KHÔNG TRÚNG THÀU

(Đính kèm theo Quyết định số 191/QĐ-BVĐHYD ngày 11 tháng 4 năm 2023)

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân nhóm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
14	Hóa chất xét nghiệm hồng cầu lưới trên máy huyết học	Hóa chất được chỉ định sử dụng trên hệ thống phân tích tế bào tự động để làm sạch hồng cầu và nhuộm hồng cầu lưới. Thành phần: + Reagent A- Retic Stain: New Methylene Blue trong dung dịch đậm 0.06% (w/v) + Reagent B- Retic Clear: Sulfuric Acid với chất ổn định 0,15% Đóng gói: Hộp tối thiểu 2280 ml Tiêu chuẩn: FDA/ISO 13485	Coulter DxH Retic Pack	628021	Beckman Coulter, Inc	Mỹ	Nhóm 6	Lít	28	8.919.474	249.745.272	Giá chào cao hơn giá kế hoạch
17	Hóa chất định lượng Bilirubin liên hợp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp; dải đo: 0 đến $\geq 171 \mu\text{mol/L}$; phương pháp: DPD, bước sóng 570 nM. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate - Đóng gói: Hộp tối thiểu 160 ml - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE.	DIRECT BILIRUBIN	OSR6211	Beckman Coulter, Inc	Mỹ	Nhóm 1	Hộp	12	7.610.400	91.324.800	Giá chào cao hơn giá kế hoạch

CHỈ MINH

